

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TAM NÔNG
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do - Hạnh phúc**

Số: 44/2020/DS-ST.

Ngày: 11/9/2020.

“V/v tranh chấp hợp đồng
chuyển nhượng quyền sử dụng đất,
hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM NÔNG - TỈNH ĐỒNG THÁP

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Hoàng Vũ.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Trung Thảo;
2. Ông Nguyễn Thanh Hùng.

Thư ký phiên tòa: Ông Lê Trần Minh Châu – Thư ký Toà án nhân dân huyện Tam Nông.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Nông tham gia phiên tòa: Bà Hồ Thị Thuần- Kiểm sát viên.

Hôm nay ngày 11 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Tam Nông, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 316/2019/TLST-DS ngày 09 tháng 12 năm 2019 về việc “Tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và hợp đồng vay tài sản”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 79/2020/QĐXXST-DS, ngày 17 tháng 8 năm 2020 và quyết định hoãn phiên tòa số: 38/2020/QĐST-DS ngày 01 tháng 9 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1950.

Địa chỉ: Khóm A, thị trấn T, huyện T, Đồng Tháp.

Ủy quyền cho ông Nguyễn Phước T, sinh năm 1977.

Địa chỉ: Khóm B, thị trấn T, huyện T, Đồng Tháp.

- Bị đơn:

1/ Ông Nguyễn Quang D, sinh năm 1972;

Địa chỉ: Khóm C, thị trấn T, huyện T, Đồng Tháp.

2/ Bà Lưu Thị G, sinh năm 1970.

Địa chỉ: Số 334, Nguyễn Thị Minh Ki, Phường A, Thành phố C, Đồng Tháp.

Ông T có mặt; Ông D vắng mặt có lý do; Bà G vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện ngày 04/10/2019, đơn khởi kiện bổ sung ngày 10/7/2020; biên bản lấy lời khai ngày 15/4/2020; biên bản không tiến hành hòa giải ngày 05/5/2020 và tại phiên tòa đại diện nguyên đơn ông Nguyễn Phước T trình bày: Vào ngày 25/7/2018 vợ chồng ông D có vay của bà H số tiền 2.000.000.000đ (Hai tỷ đồng), lãi suất thỏa thuận là 3%/tháng, thời hạn vay là 12 tháng, nếu sau 12 tháng vợ chồng ông D không có tiền trả gốc và lãi cho bà H thì vợ chồng ông D đồng ý chuyển nhượng phần diện tích đất và nhà thuộc thửa đất số 26, tờ bản đồ 68, diện tích 180m², do vợ chồng ông D đứng tên cho bà H, để trừ số tiền mà vợ chồng ông D đã vay, 2 bên có làm tờ thỏa thuận với nhau (tờ thỏa thuận ngày 25/7/2018). Sau khi 2 bên thỏa thuận cho vay số tiền trên, giữa bà H và vợ chồng ông D có lập 1 hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất để đảm bảo cho số tiền vay. Sau khi hết thời hạn vay tiền mà vợ chồng ông D không trả lại tiền gốc và lãi cho bà H, bà H có đem hợp đồng chuyển nhượng đã ký giữa 2 bên để thực hiện, nhưng ông D không đồng ý.

Nay ông đại diện cho bà H, khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông D phải thực hiện hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất nêu trên. Nếu vợ chồng ông D không đồng ý thì phải trả lại cho bà H số tiền vay gốc là 2.000.000.000đ và tiền lãi 3%/tháng, kể từ ngày vay cho đến nay.

Yêu cầu Tòa án tiếp tục duy trì quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 03/2019/QĐ-BPKCTT, ngày 11 tháng 12 năm 2019, của Tòa án nhân dân huyện Tam Nông, cho đến khi bản án có hiệu lực pháp luật, để đảm bảo thi hành án cho bà H.

- Tại biên bản lấy lời khai ngày 28/02/2020 ông Nguyễn Quang D trình bày: Vào ngày 25/7/2018, vợ chồng ông có vay của bà H số tiền 2.000.000.000đ (Hai tỷ đồng), với lãi suất là 3%/tháng, thời hạn vay là 12 tháng, nếu sau 12 tháng vợ chồng ông không có tiền trả gốc và lãi cho bà H thì vợ chồng ông đồng ý chuyển nhượng phần diện tích đất và nhà thuộc thửa đất số 26, tờ bản đồ 68, diện tích 180m², do vợ chồng ông đứng tên cho bà H, để trừ số tiền mà vợ chồng ông đã vay, 2 bên có làm tờ thỏa thuận với nhau (tờ thỏa thuận ngày 25/7/2018). Sau khi 2 bên thỏa thuận cho vay số tiền trên, giữa bà H với vợ chồng ông có lập 1 hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất để đảm bảo cho số tiền vay. Do làm ăn bị thất bại nên cho đến nay vợ chồng ông chưa trả được số tiền vay gốc và lãi cho bà H theo thỏa thuận.

Nay bà H khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông phải thực hiện hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất nêu trên, ông không đồng ý. Ông chỉ đồng ý trả lại cho bà H số tiền vay gốc là 2.000.000.000đ, còn phần lãi thì ông xin bà H không tính.

- Bị đơn bà Nguyễn Thị G vắng mặt và không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến của mình như sau:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đều chấp hành đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự, đại diện Viện kiểm sát không có ý kiến, kiến nghị gì thêm về phần tố tụng.

Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 116, 117, 122, 124, 463, 466, 468, 500, 501 và 503 Bộ luật dân sự. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H đối với ông D và bà G về việc tiếp tục thực hiện hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất.

Buộc ông D và bà G có trách nhiệm trả lại cho bà H số tiền vay gốc là 2.000.000.000đ và tiền lãi theo quy định.

Tiếp tục duy trì biện pháp khẩn cấp tạm thời số 03/2019/QĐ-BPKCTT, ngày 11 tháng 12 năm 2019, của Tòa án nhân dân huyện Tam Nông, cho đến khi bản án có hiệu lực pháp luật, để đảm bảo thi hành án cho bà H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Bà Nguyễn Thị H nộp đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp về việc tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tranh chấp hợp đồng vay tài sản đối với ông Nguyễn Quang D và bà Lưu Thị G. Xét thấy, người khởi kiện có quyền khởi kiện và đã thực hiện đúng về thủ tục khởi kiện theo quy định tại các Điều 186, 188, 189 và 190 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn có địa chỉ tại Khóm B, thị trấn T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tam Nông theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a, c khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ pháp luật:

Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, bà Nguyễn Thị H khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Quang D và bà Lưu Thị G phải thực hiện hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho bà theo quy định, nếu không thực hiện hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất thì phải trả lại cho bà số tiền vay gốc và lãi theo thỏa thuận nên xác định quan hệ pháp luật tranh chấp “ Tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tranh chấp hợp đồng vay tài sản,” được quy định tại khoản 3 và khoản 9 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung tranh chấp:

Trong phần tranh tụng và tranh luận tại phiên tòa, ông T (đại diện theo ủy quyền của bà H), đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H đối với ông D và bà G. Yêu cầu ông D và bà G phải làm thủ tục sang tên phần nhà và đất thuộc thửa số 26, tờ bản đồ số 68 diện tích đất 180m², do ông Nguyễn Quang D và bà Lưu Thị G đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nếu vợ chồng ông D không đồng ý thì phải trả lại cho bà H số tiền vay gốc là 2.000.000.000đ và tiền lãi 3%/tháng, kể từ ngày vay cho đến nay.

Yêu cầu Tòa án tiếp tục duy trì quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 03/2019/QĐ-BPKCTT, ngày 11 tháng 12 năm 2019, của Tòa án nhân dân huyện Tam Nông, cho đến khi bản án có hiệu lực pháp luật, để đảm bảo thi hành án cho bà H.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 28/02/2020 ông Nguyễn Quang D không đồng ý theo yêu cầu của bà H. Ông chỉ đồng ý trả lại cho bà H số tiền vay gốc là 2.000.000.000đ, còn phần lãi thì ông xin bà H không tính.

Hội đồng xét xử nhận định:

[3.1] Xét thấy yêu cầu của bà H, yêu cầu vợ chồng ông D tiếp tục thực hiện hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 26, tờ bản đồ số 68, diện tích 180m² là không có căn cứ chấp nhận. Bởi vì, hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất trên không phải do 2 bên tự nguyện thực hiện, mà hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất trên được các bên thực hiện để đảm bảo cho hợp đồng vay tiền giữa các bên. Cụ thể, tại giấy thỏa thuận ngày 25/7/2018 thể hiện: *Căn cứ vào hợp đồng mua bán công chứng số 7068 tại Phòng công chứng số 1 tỉnh Đồng Tháp ngày 25/7/2018, với giá trị mua bán tài sản là 2.720.000.000đ (Hai tỷ bảy trăm hai mươi triệu đồng) nhưng số tiền giao dịch của 2 bên thực sự là:*

Bên A (ông D) có mượn của bên B (bà H) số tiền 2.000.000.000đ (Hai tỷ đồng), thời hạn vay là 12 tháng, lãi suất là 3%/tháng, tương đương tiền lãi là 60.000.000đ/tháng.

Tại phiên tòa, ông T (đại diện cho bà H) cũng thừa nhận rằng, khi bà H cho ông D vay số tiền trên thì giữa ông D và bà H có thỏa thuận là nếu sau thời hạn 12 tháng, mà vợ chồng ông D không trả lại tiền vay gốc và lãi cho bà H thì bà H được làm thủ tục sang tên phần đất trên. Lời trình bày này phù hợp với lời khai ngày 28/02/2020 của ông D. Như vậy, có căn cứ xác định hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà số 7068 ngày 25/7/2018, giữa bà H với vợ chồng ông D là giả tạo.

Tại khoản 1, Điều 124 Bộ luật dân sự quy định:

1. Khi các bên xác lập giao dịch dân sự một cách giả tạo nhằm che giấu một giao dịch dân sự khác thì giao dịch dân sự giả tạo vô hiệu, còn giao dịch dân sự bị che giấu vẫn có hiệu lực, trừ trường hợp giao dịch đó cũng vô hiệu theo quy định của Bộ luật này hoặc luật khác có liên quan.

Do đó, không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu của bà H về việc yêu cầu vợ chồng ông D thực hiện hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất, mà chỉ buộc ông D và bà G có trách nhiệm trả lại cho bà H số tiền vay gốc và lãi theo tờ thỏa thuận giữa ngày 25/7/2018 giữa 2 bên là phù hợp và có căn cứ chấp nhận.

Căn cứ vào tờ thỏa thuận ngày 25/7/2018, thể hiện vợ chồng ông D có vay của bà H số tiền gốc là 2.000.000.000đ, theo bà H trình bày: Từ khi vợ chồng ông D vay số tiền trên cho đến nay, chưa trả gốc hay lãi gì lại cho bà, lời trình bày này phù hợp với biên bản lấy lời khai ngày 28/02/2020 của ông D. Như vậy, có căn cứ

xác định từ khi vợ chồng ông D vay số tiền trên của bà H cho đến nay, chưa trả gốc hay lãi gì cho bà H, nghĩ nên buộc vợ chồng ông D có trách nhiệm trả lại số tiền gốc và lãi cho bà H là có căn cứ chấp nhận.

Đối với phần lãi suất: Theo tờ thỏa thuận giữa 2 bên thể hiện bà H cho ông D vay số tiền 2.000.000.000đ với mức lãi suất theo thỏa thuận là 3%/tháng (36%/năm). Tại phiên tòa, ông T (đại diện cho bà H) yêu cầu tính lãi theo mức lãi mà các bên thỏa thuận là 3%/tháng. Xét thấy việc vay tiền là do các bên tự nguyện thỏa thuận về mức lãi suất, tuy nhiên mức lãi suất các bên thỏa thuận là 3%/tháng (36%/năm) là quá cao so với quy định của pháp luật. Do đó, nghĩ nên điều chỉnh lại mức lãi suất theo quy định, cụ thể như sau:

Theo tờ thỏa thuận 2 bên thống nhất thời hạn vay là 12 tháng nên mức lãi suất được tính như sau:

Phần tiền lãi trong hạn:

$2.000.000.000đ \times 1,67\% / \text{tháng} (20\% / \text{năm}) \times 12 \text{ tháng (từ ngày 25/7/2018 đến ngày 25/7/2019)} = 400.800.000đ;$

Phần tiền lãi quá hạn:

$2.000.000.000đ \times 20\% / \text{năm} (1,67\% / \text{tháng}) \times 10\% / \text{năm} (0,83\% / \text{tháng}) \times 13 \text{ tháng 16 ngày (từ ngày 26/7/2019 đến ngày 11/9/2020)} = 676.666.000đ.$

Như vậy ông D và bà G phải trả cho bà H số tiền vay gốc là 2.000.000.000đ và tiền lãi là 1.077.466.000đ. Tổng cộng gốc và lãi là 3.077.466.000đ (Ba tỷ không trăm bảy mươi bảy triệu bốn trăm sáu mươi sáu nghìn đồng).

Đối với phần nhà và đất thuộc thửa đất số 26, tờ bản đồ số 68, diện tích 180m², các bên chỉ mới thực hiện giao dịch, chưa giao nhận tài sản với nhau, tại phiên tòa các bên không yêu cầu gì đối với nhà và đất trên nên không xem xét giải quyết.

[4] Đối với yêu cầu của ông T (đại diện cho bà H), yêu cầu tiếp tục duy trì quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 03/2019/QĐ-BPKCTT, ngày 11 tháng 12 năm 2019, của Tòa án nhân dân huyện Tam Nông, cho đến khi bản án có hiệu lực pháp luật, để đảm bảo thi hành án cho bà H. Xét thấy yêu cầu này là phù hợp và có căn cứ chấp nhận. Bởi vì, trong quá trình bà H khởi kiện vụ án trên, bà có yêu cầu Tòa án áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời là phong tỏa phần tài sản của vợ chồng ông D là quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 26, tờ bản đồ số 68, diện tích 180m² số vào sổ CH03106, đất tọa lạc tại TT. Tràm Chim, huyện Tam Nông, do Ủy ban nhân dân huyện Tam Nông cấp ngày 23/01/2015, do ông Nguyễn Quang D và bà Lưu Thị G đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, xét yêu cầu của bà là phù hợp với các quy định của pháp luật và bà cũng đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của mình đối với yêu cầu trên. Do đó, nghĩ nên tiếp tục duy trì quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 03/2019/QĐ-BPKCTT, ngày 11 tháng 12 năm 2019, của Tòa án đối với phần tài sản trên, để đảm bảo thi hành án cho bà H là phù hợp và có căn cứ chấp nhận.

Do yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời của bà H là phù hợp và đúng theo quy định nên bà Nguyễn Thị H được nhận lại T bộ số tiền đã nộp để đảm

bảo việc áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời là 270.000.000đ (Hai trăm bảy mươi triệu đồng), tại ngân hàng nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam, chi nhánh huyện Tam Nông, theo quyết định buộc thực hiện biện pháp bảo đảm số 03/2019/QĐ-BPBD, ngày 11/12/ 2019 của Tòa án.

Do yêu cầu của bà H yêu cầu ông D và bà G thực hiện hợp đồng chuyển nhượng không được chấp nhận nên bà H phải chịu T bộ chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và chi phí định giá (đã nộp xong).

Do yêu cầu thực hiện hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất của bà H là không có căn cứ chấp nhận nên bà H phải chịu án phí theo quy định. Tuy nhiên, bà H thuộc trường hợp được miễn tiền án phí theo quy định tại điểm đ, khoản 1 Điều 12 và khoản 1 Điều 26 Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, nghĩ nên miễn T bộ tiền án phí cho bà H là đúng theo quy định.

Do yêu cầu của bà H, yêu cầu ông D và bà G trả lại số tiền vay gốc và lãi là có căn cứ chấp nhận nên ông D và bà G phải chịu án phí theo quy định.

Đối với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa, phù hợp với các chứng cứ đã được thu thập trong hồ sơ và diễn biến tại phiên tòa, phù hợp với các quy định của pháp luật, nghĩ nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 116, 117, 122, 124, 463, 466, 468, 500, 501 Bộ luật dân sự; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm c, khoản 2 Điều 5 Nghị quyết số 0/2019/NQ-HĐTP, ngày 11/01/2019 hướng dẫn áp dụng một số quy định của Pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm, khoản 1, 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1/ Bác yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H đối với ông Nguyễn Quang D và bà Lưu Thị G về việc yêu cầu tiếp tục thực hiện hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất.

2/ Hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 7068 ngày 25/7/2018 giữa bà Nguyễn Thị H với ông Nguyễn Quang D và bà Lưu Thị G.

3/ Buộc ông Nguyễn Quang D và bà Lưu Thị G có trách nhiệm liên đới trả lại cho bà Nguyễn Thị H số tiền vay gốc còn thiếu là 2.000.000.000đ và tiền lãi là 1.077.466.000đ. Tổng cộng gốc và lãi là 3.077.466.000đ (Ba tỷ không trăm bảy mươi bảy triệu bốn trăm sáu mươi sáu nghìn đồng).

Ông Nguyễn Quang D và bà Lưu Thị G phải tiếp tục chịu lãi của số tiền trên kể từ ngày 12/9/2020, theo mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, cho đến khi thi hành án xong số tiền nêu trên.

5/ Tiếp tục duy trì quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 03/2019/QĐ-BPKCTT, ngày 11 tháng 12 năm 2019, của Tòa án nhân dân huyện

Tam Nông, cho đến khi bản án có hiệu lực pháp luật, để đảm bảo thi hành án cho bà H.

6/ Khi bản án có hiệu lực pháp luật, bà Nguyễn Thị H được nhận lại T bộ số tiền đã nộp là 270.000.000đ (Hai trăm bảy mươi triệu đồng), tại ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam, chi nhánh huyện Tam Nông, theo quyết định buộc thực hiện biện pháp bảo đảm số 03/2019/QĐ-BPBD, ngày 11/12/2019 của Tòa án.

Bà Nguyễn Thị H phải chịu T bộ chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 3.710.000đ và chi phí định giá là 500.000đ. Tổng cộng là 4.210.000đ (Bốn triệu hai trăm mười nghìn đồng) (Đã nộp xong).

5/ Về án phí:

Bà Nguyễn Thị H được miễn T bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm;

Ông Nguyễn Quang D và bà Lưu Thị G phải chịu 93.549.000đ (Chín mươi ba triệu năm trăm bốn mươi chín nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Báo cho nguyên đơn biết, có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án hôm nay. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Phòng GDKT Toà án Tỉnh;
- VKSND huyện Tam Nông;
- Chi cục THADS huyện Tam Nông;
- Các đương vụ trong vụ án;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Lê Hoàng Vũ